PHỤ LỤC
DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNN-VP ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị cấp 1: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, mã định danh: G10

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
KHỐI VỤ, VĂN PHÒNG BỘ, THANH TRA BỘ				
1	Vụ Kế hoạch			G10.1
2	Vụ Tài chính			G10.2
3	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường			G10.3
4	Vụ Hợp tác quốc tế			G10.4
5	Vụ Pháp chế			G10.5
6	Vụ Tổ chức cán bộ			G10.6
7	Văn phòng Bộ			G10.7
8	Thanh tra Bộ			G10.8
KHỐI CỤC, VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NTM TRUNG ƯƠNG, CƠ QUAN QUẢN LÝ CITES VIỆT NAM				
9	Cục Trồng trọt			G10.9
9.1		Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia		G10.9.1

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
10	Cục Bảo vệ thực vật			G10.10
10.1		Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I		G10.10.1
10.1.1			Trạm Kiểm dịch thực vật Hạ Long	G10.10.1.1
10.1.2			Trạm Kiểm dịch thực vật Hoành Mô	G10.10.1.2
10.1.3			Trạm Kiểm dịch thực vật Móng Cái	G10.10.1.3
10.2		Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng II		G10.10.2
10.2.1			Trạm Kiểm dịch thực vật Sân bay Tân Sơn Nhất	G10.10.2.1
10.2.2			Trạm Kiểm dịch thực vật Tây Ninh	G10.10.2.2
10.2.3			Trạm Kiểm dịch thực vật Vũng Tàu	G10.10.2.3
10.2.4			Trạm Kiểm dịch thực vật Lâm Đồng	G10.10.2.4
10.2.5			Trạm Kiểm dịch thực vật Bình Phước	G10.10.2.5
10.3		Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng III		G10.10.3

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
10.3.1			Trạm Kiểm dịch thực vật Thừa Thiên Huế	G10.10.3.1
10.3.2			Trạm Kiểm dịch thực vật Lalay	G10.10.3.2
10.3.3			Trạm Kiểm dịch thực vật Lao Bảo	G10.10.3.3
10.4		Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng IV		G10.10.4
10.4.1			Trạm Kiểm dịch thực vật Nha Trang	G10.10.4.1
10.4.2			Trạm Kiểm dịch thực vật cửa khẩu quốc tế Bờ Y	G10.10.4.2
10.5		Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng V		G10.10.5
10.5.1			Trạm Kiểm dịch thực vật Nội Bài	G10.10.5.1
10.5.2			Trạm Kiểm dịch thực vật Thụy Vân	G10.10.5.2
10.6		Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng VI		G10.10.6
10.6.1			Trạm Kiểm dịch thực vật Cầu Treo	G10.10.6.1
10.6.2			Trạm Kiểm dịch thực vật	G10.10.6.2

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
			Cha Lo	
10.6.3			Trạm Kiểm dịch thực vật Nậm Cắn	G10.10.6.3
10.7		Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng VII		G10.10.7
10.7.1			Trạm Kiểm dịch thực vật Tân Thanh	G10.10.7.1
10.7.2			Trạm Kiểm dịch thực vật Hữu Nghị	G10.10.7.2
10.7.3			Trạm Kiểm dịch thực vật Chi Ma	G10.10.7.3
10.7.4			Trạm Kiểm dịch thực vật Cốc Nam	G10.10.7.4
10.7.5			Trạm Kiểm dịch thực vật Ga Đồng Đăng	G10.10.7.5
10.7.6			Trạm Kiểm dịch thực vật Cao Bằng	G10.10.7.6
10.8		Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng VIII		G10.10.8
10.8.1			Trạm Kiểm dịch thực vật Cửa khẩu Lào Cai	G10.10.8.1
10.8.2			Trạm Kiểm dịch thực vật Kim Thành	G10.10.8.2

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
10.8.3			Trạm Kiểm dịch thực vật Ga Lào Cai	G10.10.8.3
10.8.4			Trạm Kiểm dịch thực vật Thanh Thủy	G10.10.8.4
10.8.5			Trạm Kiểm dịch thực vật Bản Vược	G10.10.8.5
10.8.6			Trạm Kiểm dịch thực vật Lai Châu	G10.10.8.6
10.8.7			Trạm Kiểm dịch thực vật Điện Biên	G10.10.8.7
10.9		Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng IX		G10.10.9
10.9.1			Trạm Kiểm dịch thực vật Mỹ Thới	G10.10.9.1
10.9.2			Trạm Kiểm dịch thực vật Kiên Giang	G10.10.9.2
10.10		Trung tâm Bảo vệ thực vật phía Bắc		G10.10.10
10.11		Trung tâm Bảo vệ thực vật khu IV		G10.10.11
10.12		Trung tâm Bảo vệ thực vật miền Trung		G10.10.12
10.13		Trung tâm Bảo vệ thực vật phía Nam		G10.10.13

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
10.14		Trung tâm Kiểm định và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phía Bắc		G10.10.14
10.15		Trung tâm Kiểm định và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phía Nam		G10.10.15
10.16		Trung tâm Khảo kiểm nghiệm phân bón Quốc gia		G10.10.16
10.16.1			Trạm Khảo kiểm nghiệm phân bón Miền Nam	G10.10.16.1
10.16.2			Trạm Khảo kiểm nghiệm phân bón Tây Nguyên	G10.10.16.2
10.17		Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu I		G10.10.17
10.18		Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu II		G10.10.18
10.19		Trung tâm Giám định Kiểm dịch thực vật		G10.10.19
11	Cục Chăn nuôi			G10.11
		Trung tâm Khảo kiểm nghiệm và Kiểm định chăn nuôi		G10.11.1
12	Cục Thú y			G10.12
12.1		Chi cục Thú Y vùng I		G10.12.1
12.2		Chi cục Thú Y vùng II		G10.12.2
12.3		Chi cục Thú Y vùng III		G10.12.3

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
12.4		Chi cục Thú Y vùng IV		G10.12.4
12.5		Chi cục Thú Y vùng V		G10.12.5
12.6		Chi cục Thú Y vùng VI		G10.12.6
12.7		Chi cục Thú Y vùng VII		G10.12.7
12.8		Chi cục Kiểm dịch động vật vùng Lạng Sơn		G10.12.8
12.9		Chi cục Kiểm dịch động vật vùng Lào Cai		G10.12.9
12.10		Chi cục Kiểm dịch động vật vùng Quảng Ninh		G10.12.10
12.11		Trung tâm Chẩn đoán thú y Trung ương		G10.12.11
12.12		Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương I		G10.12.12
12.13		Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương II		G10.12.13
12.14		Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y Trung ương I		G10.12.14
12.15		Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y Trung ương II		G10.12.15
13	Cục Quản lý xây dựng công trình			G10.13
14	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn			G10.14
14.1		Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị nông nghiệp		G10.14.1

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
15	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường			G10.15
15.1		Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ		G10.15.1
15.2		Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ		G10.15.2
15.3		Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung du và miền núi phía Bắc		G10.15.3
15.4		Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 1		G10.15.4
15.5		Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 2		G10.15.5
15.6		Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 3		G10.15.6
15.7		Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 4		G10.15.7
15.8		Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 5		G10.15.8
15.9		Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6		G10.15.9
15.10		Trung tâm Kiểm nghiệm kiểm chứng và Dịch vụ chất lượng		G10.15.10
16	Cục Thủy Lợi			G10.16
16.1		Trung tâm Quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn		G10.16.1
16.2		Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật thủy lợi		G10.16.2

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
17	Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai			G10.17
17.1		Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng, chống thiên tai		G10.17.1
18	Cục Lâm nghiệp			G10.18
18.1		Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam		G10.18.1
19	Cục Kiểm lâm			G10.19
19.1		Chi cục Kiểm lâm vùng I		G10.19.1
19.2		Chi cục Kiểm lâm vùng II		G10.19.2
19.3		Chi cục Kiểm lâm vùng III		G10.19.3
19.4		Chi cục Kiểm lâm vùng IV		G10.19.4
19.5		Vườn quốc gia Tam Đảo		G10.19.5
19.6		Vườn quốc gia Ba Vì		G10.19.6
19.7		Vườn Quốc gia Cúc Phương		G10.19.7
19.8		Vườn Quốc gia Bạch Mã		G10.19.8
19.9		Vườn Quốc gia Cát Tiên		G10.19.9
19.10		Vườn quốc gia YokDon		G10.19.10
20	Cục Thủy sản			G10.20

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
20.1		Trung tâm Thông tin Thủy sản		G10.20.1
20.2		Trung tâm Đăng kiểm tàu cá		G10.20.2
20.3		Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản		G10.20.3
20.3.1			Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	G10.20.3.1
21	Cục Kiểm ngư			G10.21
21.1		Trung tâm Thông tin Kiểm ngư		G10.21.1
21.2		Chi cục Kiểm ngư Vùng I		G10.21.2
21.3		Chi cục Kiểm ngư Vùng II		G10.21.3
21.4		Chi cục Kiểm ngư Vùng III		G10.21.4
21.5		Chi cục Kiểm ngư Vùng IV		G10.21.5
21.6		Chi cục Kiểm ngư Vùng V		G10.21.6
22	Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương			G10.22
23	Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam			G10.23
24	Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo Quốc gia về Phòng,			G10.24

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
	chống thiên tai			
CÁC VIỆN				
25	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam			G10.25
25.1		Viện Di truyền nông nghiệp		G10.25.1
25.2		Viện Thổ nhưỡng Nông hóa		G10.25.2
25.3		Viện Bảo vệ thực vật		G10.25.3
25.4		Viện Môi trường nông nghiệp		G10.25.4
25.5		Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long		G10.25.5
25.6		Viện Cây ăn quả miền Nam		G10.25.6
25.7		Viện Nghiên cứu Rau quả		G10.25.7
25.8		Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm		G10.25.8
25.9		Viện Nghiên cứu Ngô		G10.25.9
25.10		Viện Nghiên cứu Mía đường		G10.25.10
25.11		Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc		G10.25.11
25.12		Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung bộ		G10.25.12
25.13		Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ		G10.25.13

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
25.14		Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên		G10.25.14
25.15		Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam		G10.25.15
25.16		Trung tâm Tài nguyên thực vật		G10.25.16
25.17		Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương		G10.25.17
25.18		Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Khuyến nông		G10.25.18
25.19		Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hố		G10.25.19
26	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam			G10.26
26.1		Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam		G10.26.1
26.2		Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên		G10.26.2
26.3		Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường		G10.26.3
26.4		Viện Thủy công		G10.26.4
26.5		Viện Bơm và Thiết bị Thủy lợi		G10.26.5
26.6		Viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo		G10.26.6
26.7		Viện Kỹ thuật Biển		G10.26.7
26.8		Viện Kinh tế và Quản lý Thủy lợi		G10.26.8

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
26.9		Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực học sông biển		G10.26.9
26.10		Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế		G10.26.10
26.11		Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình		G10.26.11
26.12		Trung tâm Công nghệ phần mềm Thủy lợi		G10.26.12
26.13		Trung tâm Tư vấn quản lý Thủy nông có sự tham gia của người dân (Trung tâm tư vấn PIM)		G10.26.13
27	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch			G10.27
27.1		Phân viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch		G10.27.1
27.2		Trung tâm Giám định Máy và Thiết bị		G10.27.2
27.3		Trung tâm chuyển giao công nghệ và Tư vấn đầu tư		G10.27.3
27.4		Trung tâm Phát triển Cơ điện Nông nghiệp		G10.27.4
27.5		Trung tâm Nghiên cứu và Kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm		G10.27.5
27.6		Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cơ điện nông nghiệp miền Trung		G10.27.6
27.7		Trung tâm Nghiên cứu máy nông nghiệp và thủy khí		G10.27.7

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
27.8		Trung tâm nghiên cứu chế biến nông sản thực phẩm		G10.27.8
28	Viện Chăn nuôi			G10.28
28.1		Phân Viện Chăn nuôi Nam Bộ		G10.28.1
28.2		Trung tâm nghiên cứu Lợn Thụy Phương		G10.28.2
28.3		Trung tâm nghiên cứu Gia cầm Thụy Phương		G10.28.3
28.4		Trung tâm Thực nghiệm và Bảo tồn vật nuôi		G10.28.4
28.5		Trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên		G10.28.5
28.6		Trung tâm Giống gia súc lớn Trung ương		G10.28.6
28.7		Trung tâm Nghiên cứu Ong và Chuyển giao Công nghệ chăn nuôi		G10.28.7
28.8		Trung tâm Nghiên cứu Bò và Đồng cỏ Ba Vì		G10.28.8
28.9		Trung tâm nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây		G10.28.9
28.10		Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi miền Núi		G10.28.10
28.11		Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi miền Trung		G10.28.11
28.12		Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Công nghệ Tế bào động vật		G10.28.12
29	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam			G10.29

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
29.1		Văn phòng Viện		G10.29.1
29.2		Viện Nghiên cứu giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp		G10.29.2
29.2.1			Trung tâm Thực nghiệm và Chuyển giao giống cây rừng	G10.29.2.1
29.3		Viện nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng		G10.29.3
29.3.1			Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm môi trường	G10.29.3.1
29.4		Viện nghiên cứu Lâm sinh		G10.29.4
29.4.1			Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Kỹ thuật Lâm sinh	G10.29.4.1
29.5		Viện nghiên cứu Công nghiệp rừng		G10.29.5
29.5.1			Trung tâm Chuyển giao công nghệ Công nghiệp rừng	G10.29.5.1
29.6		Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ		G10.29.6
29.6.1			Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp Nam Bộ	G10.29.6.1

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
29.6.2			Trung tâm NCTN Lâm nghiệp Tây Nam Bộ	G10.29.6.2
29.6.3			Trung tâm NCTN Lâm nghiệp Đông Nam Bộ	G10.29.6.3
29.7		Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên		G10.29.7
29.7.1			Trung tâm Lâm nghiệp Nhiệt đới	G10.29.7.1
29.8		Trung tâm Nghiên cứu Lâm sản ngoài gỗ		G10.29.8
29.9		Trung tâm nghiên cứu Bảo vệ rừng		G10.29.9
29.10		Trung tâm nghiên cứu Kinh tế Lâm nghiệp		G10.29.10
29.11		Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Tây Bắc		G10.29.11
29.12		Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp vùng Trung tâm Bắc Bộ		G10.29.12
29.13		Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Đông Bắc Bộ		G10.29.13
29.14		Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung Bộ		G10.29.14
29.15		Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững		G10.29.15
30	Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn			G10.30

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
31	Viện Nghiên cứu Hải sản			G10.31
31.1		Trung tâm Phát triển nghề cá Vịnh Bắc Bộ		G10.31.1
31.2		Trung tâm dự báo ngư trường khai thác hải sản		G10.31.2
31.3		Trung tâm Quan trắc môi trường biển		G10.31.3
31.4		Phân Viện Nghiên cứu hải sản phía Nam		G10.31.4
32	Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thuỷ sản I			G10.32
33	Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thuỷ sản II			G10.33
34	Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thuỷ sản III			G10.34
34.1		Trung tâm Quan trắc môi trường và Bệnh thủy sản miền Trung		G10.34.1
34.2		Trung tâm Tư vấn, sản xuất, dịch vụ và chuyển giao công nghệ thủy sản		G10.34.2
34.3		Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nuôi biển Nha Trang		G10.34.3
34.4		Trung tâm Quốc gia giống hải sản miền Trung		G10.34.4
34.5		Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung		G10.34.5
35	Viện Thú y			G10.35

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
35.1		Phân viện Thú y miền Trung		G10.35.1
35.2		Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Chuyển giao công nghệ Thú y		G10.35.2
36	Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp			G10.36
36.1		Phân viện Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp		G10.36.1
36.2		Phân viện Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp miền Trung		G10.36.2
36.3		Trung tâm Quy hoạch và phát triển nông thôn I		G10.36.3
36.4		Trung tâm Quy hoạch và phát triển nông thôn II		G10.36.4
36.5		Trung tâm Đo đạc bản đồ nông nghiệp		G10.36.5
36.6		Xí nghiệp Đo đạc bản đồ nông nghiệp I		G10.36.6
37	Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản			G10.37
37.1		Phân Viện Kinh tế và Quy hoạch thuỷ sản phía Nam		G10.37.1
37.2		Trung tâm Tư vấn và Quy hoạch phát triển thuỷ sản		G10.37.2
37.3		Trung tâm Phát triển cộng đồng nghề cá		G10.37.3
38	Viện Quy hoạch Thủy lợi			G10.38
39	Viện Quy hoạch Thủy lợi miền Nam			G10.39

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
40	Viện Điều tra quy hoạch rừng			G10.40
CÁC TRƯỜNG				
41	Học viện Nông nghiệp Việt Nam			G10.41
42	Trường Đại học Lâm nghiệp			G10.42
43	Trường Đại học Thuỷ lợi			G10.43
44	Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang			G10.44
45	Trường Cán bộ quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn			G10.45
46	Trường Chính sách công và phát triển nông thôn			G10.46
47	Trường Cao đẳng kinh tế, kỹ thuật và Thủy sản			G10.47
48	Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc			G10.48
49	Trường Cao đẳng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc bộ			G10.49
50	Trường Cao đẳng Thuỷ lợi Bắc Bộ			G10.50
51	Trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm			G10.51
51.1		Phân hiệu của Trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm tại Thành phố Hồ Chí		G10.51.1

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
		Minh		
52	Trường Cao đẳng nông nghiệp Nam Bộ			G10.52
52.1		Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh		G10.52.1
53	Trường Cao đẳng công nghệ và Kinh tế Hà Nội			G10.53
54	Trường Cao đẳng Công nghệ, Kinh tế và Thủy lợi miền Trung			G10.54
55	Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc			G10.55
56	Trường Cao đẳng cơ điện và Nông nghiệp Nam bộ			G10.56
57	Trường Cao đẳng kinh tế và Công nghệ thực phẩm			G10.57
58	Trường Cao đẳng công nghệ và nông lâm Đông Bắc			G10.58
59	Trường Cao đẳng cơ điện Phú Thọ			G10.59
60	Trường Cao đẳng công nghệ và Nông lâm Phú Thọ			G10.60
61	Trường Cao đẳng cơ điện Tây Bắc			G10.61
62	Trường Cao đẳng cơ điện Hà Nội			G10.62
63	Trường Cao đẳng công nghệ, kinh tế và Thủy sản			G10.63

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
64	Trường Cao đẳng cơ khí nông nghiệp			G10.64
65	Trường Cao đẳng cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh			G10.65
66	Trường Cao đẳng Cơ điện và thủy lợi			G10.66
67	Trường Cao đẳng công nghệ, kinh tế và chế biến lâm sản			G10.67
68	Trường Cao đẳng cơ giới Ninh Bình			G10.68
69	Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô			G10.69
70	Trường Cao đẳng Cơ giới			G10.70
71	Trường Cao đẳng Cơ điện-xây dựng và Nông lâm Trung Bộ			G10.71
72	Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam bộ			G10.72
73	Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi			G10.73
74	Trường Cao đẳng Cơ điện và Công nghệ thực phẩm Hà Nội			G10.74
CÁC BAN QUẢN LÝ				
75	Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp			G10.75
76	Ban Quản lý các dự Lâm			G10.76

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
	Nghiệp			
77	Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi			G10.77
78	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1			G10.78
79	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 2			G10.79
80	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 3			G10.80
81	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4			G10.81
82	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 5			G10.82
83	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7			G10.83
84	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8			G10.84
85	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 9			G10.85
86	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10			G10.86

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
CÁC TRUNG TÂM, TẠP CHÍ, BÁO, NXB, BỆNH VIỆN, VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM				
87	Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp			G10.87
88	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia			G10.88
89	Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp			G10.89
90	Báo Nông nghiệp Việt Nam			G10.90
91	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			G10.91
92	Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp			G10.92
93	Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về Vệ sinh Dịch tễ và Kiểm dịch Động thực vật Việt Nam (tên gọi tắt: Văn phòng SPS Việt Nam)			G10.93
TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ				
94	Đảng ủy Bộ			G10.94
95	Đảng ủy khối cơ sở Bộ Nông nghiệp và PTNT tại			G10.95

TT	Đơn vị cấp 2	Đơn vị cấp 3	Đơn vị cấp 4	Mã định danh
	TP. Hồ Chí Minh			
96	Văn phòng Ban cán sự Đảng			G10.96
97	Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam			G10.97
98	Công đoàn cơ quan Bộ			G10.98
99	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			G10.99